





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**

**Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017**

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

---

## **MỤC LỤC**

|                                            | <b><u>TRANG</u></b> |
|--------------------------------------------|---------------------|
| BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC              | 2 - 3               |
| BÁO CÁO SOÁT XÉT                           | 4 - 5               |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH                | 6 - 8               |
| BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG                  | 9 - 10              |
| BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ                 | 11 - 12             |
| BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU | 13                  |
| BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH          | 14 - 36             |

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 đã được soát xét.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ và đến thời điểm lập Báo cáo này gồm:

| <u>Họ và tên</u>                | <u>Chức vụ</u>    | <u>Ngày bổ nhiệm</u> | <u>Ngày từ nhiệm</u> |
|---------------------------------|-------------------|----------------------|----------------------|
| <b><u>Hội đồng quản trị</u></b> |                   |                      |                      |
| Bà Nguyễn Thị Ánh               | Chủ tịch          | 02/3/2017            |                      |
| Ông Trần Phú Mỹ                 | Chủ tịch          |                      | 20/01/2017           |
| Ông Châu Vinh Quang             | Phó Chủ tịch      |                      | 20/01/2017           |
| Ông Nguyễn Đức Thuận            | Phó Chủ tịch      | 02/3/2017            |                      |
| Ông Mai Văn Công                | Thành viên        |                      | 20/01/2017           |
| Ông Nguyễn Bảo Thành            | Thành viên        |                      | 20/01/2017           |
| Ông Hoàng Biều                  | Thành viên        |                      | 20/01/2017           |
| Ông Nguyễn Thanh Phong          | Thành viên        |                      | 05/04/2017           |
| Ông Đỗ Trung Sơn                | Thành viên        | 02/3/2017            |                      |
| Ông Trần Đức Chiến              | Thành viên        | 02/3/2017            |                      |
| <b><u>Ban Tổng Giám đốc</u></b> |                   |                      |                      |
| Ông Đỗ Trung Sơn                | Tổng Giám đốc     | 02/3/2017            |                      |
| Ông Châu Vinh Quang             | Tổng Giám đốc     |                      | 02/3/2017            |
| Ông Nguyễn Mạnh Toàn            | Phó Tổng Giám đốc |                      | 11/4/2017            |

### KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Đất Việt (Vietland) đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Công ty.

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

### **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)**

---

tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm trong việc bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

### **CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh, lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.



Thay mặt Ban Tổng Giám đốc

---

**ĐỖ TRUNG SƠN - Tổng Giám đốc**

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

## **BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu, được lập ngày 14 tháng 8 năm 2017, từ trang 6 đến trang 36 bao gồm Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của Chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của Chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép Chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng Chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

### **Kết luận của Kiểm toán viên**

Căn cứ trên kết quả soát xét của Chúng tôi, Chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến Chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu tại ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán.

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**Công ty TNHH Kiểm toán - Tư vấn Đất Việt**



**NGUYỄN CAO HOÀI THU - Phó Tổng Giám đốc**

Số giấy CN ĐKHN Kiểm toán: 0474-2013-037-1

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu Vietland

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2017

MÀU B01a-CTCK  
Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                                            |                                              | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2017       | 31/12/2016      |
|---------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------|-------|-------------|-----------------|-----------------|
| <b>A. TÀI SẢN NGÂN HẠN (100 = 110 + 130)</b>                        |                                              |       |             |                 |                 |
| I.                                                                  | Tài sản tài chính                            | 110   |             | 35,664,378,549  | 41,823,933,655  |
| 1.                                                                  | Tiền và các khoản tương đương tiền           | 111   |             | 120,433,404     | 152,286,211     |
| 1.1.                                                                | Tiền                                         | 111.1 | V.1         | 120,433,404     | 152,286,211     |
| 2.                                                                  | Các khoản phải thu khác                      | 122   | V.2         | 36,254,689,729  | 36,294,612,896  |
| 3.                                                                  | Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu | 129   | V.3         | (728,339,392)   | (728,339,392)   |
| II.                                                                 | Tài sản ngắn hạn khác                        | 130   |             | 17,594,808      | 6,105,373,940   |
| 1.                                                                  | Tạm ứng                                      | 131   |             | 3,300,000       | 5,901,140,000   |
| 2.                                                                  | Vật tư văn phòng, công cụ, dụng cụ           | 132   |             | -               | 179,691,999     |
| 3.                                                                  | Thuế và các khoản phải thu Nhà nước          | 136   | V.9         | 14,294,808      | 24,541,941      |
| <b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 - 260)</b> |                                              |       |             |                 |                 |
| I.                                                                  | Tài sản dài hạn                              | 210   |             | -               | -               |
| II.                                                                 | Tài sản cố định                              | 220   |             | 715,264,215     | 1,031,448,873   |
| 1.                                                                  | Tài sản cố định hữu hình                     | 221   | V.4         | 371,098,186     | 611,518,816     |
|                                                                     | - Nguyên giá                                 | 222   |             | 5,345,566,927   | 5,345,566,927   |
|                                                                     | - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 223a  |             | (4,974,468,741) | (4,734,048,111) |
| 2.                                                                  | Tài sản cố định vô hình                      | 227   | V.5         | 344,166,029     | 419,930,057     |
|                                                                     | - Nguyên giá                                 | 228   |             | 1,515,280,520   | 1,515,280,520   |
|                                                                     | - Giá trị hao mòn lũy kế                     | 229a  |             | (1,171,114,491) | (1,095,350,463) |
| III.                                                                | Bất động sản đầu tư                          | 230   |             | -               | -               |
| IV.                                                                 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang              | 240   |             | -               | -               |
| V.                                                                  | Tài sản dài hạn khác                         | 250   |             | 1,934,554,994   | 882,981,886     |
| 1.                                                                  | Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn    | 251   |             | 2,000,000       | -               |
| 2.                                                                  | Chi phí trả trước dài hạn                    | 252   | V.6         | 1,093,045,657   | -               |
| 3.                                                                  | Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán               | 254   | V.7         | 839,509,337     | 882,981,886     |
| VI.                                                                 | Dự phòng suy giảm giá trị tài sản dài hạn    | 260   |             | -               | -               |
| <b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>                          |                                              |       |             |                 |                 |
|                                                                     |                                              | 270   |             | 38,314,197,758  | 43,738,364,414  |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

| CHỈ TIÊU                                                |        | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2017        | 31/12/2016       |
|---------------------------------------------------------|--------|-------|-------------|------------------|------------------|
| <b>C. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 340)</b>                 |        |       |             |                  |                  |
| <b>I. Nợ phải trả ngắn hạn</b>                          |        |       |             |                  |                  |
| 1. Vay và nợ thuê tài sản tài chính ngắn hạn            | 311    |       |             | 12,689,160,000   | 17,600,000,000   |
| 1.1. Vay ngắn hạn                                       | 312    | V.8   |             | 12,689,160,000   | 17,600,000,000   |
| 2. Phải trả người bán ngắn hạn                          | 320    |       |             | 129,537,815      | 256,506,381      |
| 3. Người mua trả tiền trước ngắn hạn                    | 321    |       |             | 8,237,447        | 5,215,155        |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước                  | 322    | V.9   |             | 124,758,971      | 80,099,756       |
| 5. Phải trả người lao động                              | 323    |       |             | 199,935,966      | 6,406,816        |
| 6. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên               | 324    | V.10  |             | 46,086,186       | 2,211,186        |
| 7. Chi phí phải trả ngắn hạn                            | 325    | V.11  |             | 1,352,854,354    | 1,420,376,467    |
| 8. Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn           | 329    | V.12  |             | 253,092,288      | 1,136,115,388    |
| <b>II. Nợ phải trả dài hạn</b>                          |        |       |             |                  |                  |
| <b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 420)</b>              |        |       |             |                  |                  |
| <b>I. Vốn chủ sở hữu</b>                                |        |       |             |                  |                  |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                            | 411    |       |             | 35,000,000,000   | 35,000,000,000   |
| 1.1. Vốn góp của chủ sở hữu                             | 411.1  | V.13  |             | 35,000,000,000   | 35,000,000,000   |
| a. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết               | 411.1a |       |             | 35,000,000,000   | 35,000,000,000   |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)                 | 417    | V.14  |             | (11,489,465,269) | (11,768,566,735) |
| 2.1. Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện (lỗ lũy kế)        | 417.1  |       |             | (11,489,465,269) | (11,768,566,735) |
| 2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện                           | 417.2  |       |             | -                | -                |
| <b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>                   |        |       |             |                  |                  |
| <b>TỔNG CỘNG NỢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU (440 = 300 + 400)</b> |        |       |             |                  |                  |
|                                                         |        |       |             | 38,314,197,758   | 43,738,364,414   |

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48, Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Báo cáo tình hình tài chính (tiếp theo)****CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH**

| CHỈ TIÊU                                                                                            | Mã số | Thuyết minh | 30/6/2017          | 31/12/2016         |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------|-------------|--------------------|--------------------|
| <b>A. TÀI SẢN CỦA CTCK VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT</b>                                          |       |             |                    |                    |
| Cổ phiếu đang lưu hành                                                                              | 006   | V.13        | 3,500,000          | 3,500,000          |
| <b>B. TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG</b>                   |       |             |                    |                    |
| 1. Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư                              | 021   | V.15a       | 695,814,828,870    | 821,664,130,000    |
| a. Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng                                                  | 021.1 |             | 41,077,319,470     | 161,029,660,000    |
| b. Tài sản tài chính giao dịch cầm cố                                                               | 021.3 |             | 648,834,758,400    | 645,581,760,000    |
| c. Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ                                                             | 021.4 |             | 5,850,000,000      | 15,000,000,000     |
| d. Tài sản tài chính chờ thanh toán                                                                 | 021.5 |             | 52,751,000         | 52,710,000         |
| 2. Tiền gửi của khách hàng                                                                          | 026   | V.15b       | 1,938,908,981      | 3,107,081,921      |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý                      | 027   |             | 1,938,908,981      | 3,107,081,921      |
| 3. Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý              | 031   | V.15c       | 1,938,908,981      | 3,107,081,921      |
| 3.1. Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.1 |             | 1,767,921,309      | 2,936,084,184      |
| 3.2. Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 031.2 |             |                    |                    |
|                                                                                                     |       |             | <u>170,987,672</u> | <u>170,997,737</u> |



Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**ĐỖ TRUNG SƠN**  
Tổng Giám đốc

*Thanh Hải*

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Kế toán trưởng

*Thanh Hải*

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG**  
Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B02a-CTCK  
Đơn vị tính: VND  
Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016  
Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017

| CHỈ TIÊU |                                                                | Mã số | Thuyết minh | Từ 01/01/2017 đến 30/06/2017 | Từ 01/01/2016 đến 30/06/2016 |
|----------|----------------------------------------------------------------|-------|-------------|------------------------------|------------------------------|
| I.       | DOANH THU HOẠT ĐỘNG                                            |       |             |                              |                              |
| 1.1.     | Doanh thu từ môi giới chứng khoán                              | 06    |             | 1,572,586,238                | 88,045,147                   |
| 1.2.     | Doanh thu từ vãng                                              | 08    |             | 732,000,000                  | 4,339,408                    |
| 1.3.     | Thu nhập hoạt động khác                                        | 11    |             | 540,585,726                  | 92,384,555                   |
|          | Cộng doanh thu hoạt động (20 = 01 -> 11)                       | 20    | VI.1        | 2,845,171,964                | 273,264,708                  |
| II.      | CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG                                              |       |             |                              |                              |
| 2.1.     | Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán                         | 27    |             | 297,560,136                  | 195,000,000                  |
| 2.2.     | Chi phí các dịch vụ khác                                       | 32    |             | 198,509,565                  | 468,264,708                  |
|          | Cộng chi phí hoạt động (40 = 21 -> 32)                         | 40    | VI.2        | 496,069,701                  | 590,067,687                  |
| III.     | DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH                                  |       |             |                              |                              |
|          | Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không có định | 42    | VI.3        | 4,580,483                    | 7,963,760                    |
|          | Cộng doanh thu hoạt động tài chính (50 = 41 -> 44)             | 50    |             | 4,580,483                    | 7,963,760                    |
| IV.      | CHI PHÍ TÀI CHÍNH                                              |       |             |                              |                              |
|          | Cộng chi phí tài chính (60 = 51 -> 55)                         | 60    |             | -                            | -                            |
| V.       | CHI PHÍ BÁN HÀNG                                               | 61    |             | -                            | -                            |
| VI.      | CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN                            | 62    | VI.4        | 1,763,615,059                | 953,737,081                  |
| VII.     | KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (70 = 20+50-40-60-61-62)                     | 70    |             | 590,067,687                  | (1,321,653,474)              |
| VIII.    | THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC                                  |       |             |                              |                              |
| 8.1.     | Thu nhập khác                                                  | 71    |             | 3,074,564                    | -                            |
| 8.2.     | Chi phí khác                                                   | 72    |             | 314,040,785                  | 270,895,542                  |
|          | Cộng kết quả hoạt động khác (80 = 71-72)                       | 80    | VI.5        | (310,966,221)                | (270,895,542)                |
| IX.      | TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ (90 = 70 + 80)               | 90    | VI.13       | 279,101,466                  | (1,592,549,016)              |
| 9.1.     | Lợi nhuận đã thực hiện                                         | 91    |             | 279,101,466                  | (1,592,549,016)              |
| 9.2.     | Lợi nhuận chưa thực hiện                                       | 92    |             | -                            | -                            |
| X.       | CHI PHÍ THUẾ TNDN                                              | 100   | VI.6        | -                            | -                            |
| 10.1.    | Chi phí thuế TNDN hiện hành                                    | 100.1 |             | -                            | -                            |
| 10.2.    | Chi phí thuế TNDN hoãn lại                                     | 100.2 |             | -                            | -                            |
| XI.      | LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN (200 = 90 - 100)               | 200   |             | 279,101,466                  | (1,592,549,016)              |
| XII.     | THU NHẬP (LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN                     | 300   |             |                              |                              |
|          | Tổng thu nhập toàn diện khác                                   | 400   |             | -                            | -                            |
| XIII.    | THU NHẬP TRÊN CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG                               | 500   |             | -                            | -                            |
| 13.1.    | Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)                   | 501   | VI.7a       | 80                           | (455)                        |
| 13.2.    | Thu nhập (chi phí) pha loãng trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)      | 502   | VI.7b       | 80                           | (455)                        |



Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**ĐỖ TRUNG SƠN**  
Tổng Giám đốc

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Kế toán trưởng

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Người lập biểu

*Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính*

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48, Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B03b-CTCK

Đơn vị tính: VND

Từ 01/01/2016 đến  
30/6/2016

| CHỈ TIÊU                                                                                            | Mã số      | Thuyết minh | Lưu chuyển tiền tệ<br>từ 01/01/2017 đến<br>30/6/2017 |                      |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|-------------|------------------------------------------------------|----------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>                                                   |            |             |                                                      |                      |
| 1. Lợi nhuận trước Thuế Thu nhập doanh nghiệp                                                       | 01         |             | 279,101,466                                          | (1,592,549,016)      |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản:                                                                        | 02         |             | 316,184,658                                          | 328,209,241          |
| Khấu hao TSCĐ                                                                                       | 03         |             | 316,184,658                                          | 328,209,241          |
| 3. Tăng các chi phí phi tiền tệ                                                                     | 10         |             | -                                                    | -                    |
| 4. Giảm các doanh thu phi tiền tệ                                                                   | 18         |             | -                                                    | -                    |
| 5. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động                                    | 30         |             | 4,283,701,069                                        | 1,478,360,305        |
| - (Tăng) giảm các khoản phải thu các dịch vụ CTCK cung cấp                                          | 37         |             | 3,022,292                                            | -                    |
| - (Tăng) giảm các khoản phải thu khác                                                               | 39         |             | 39,923,167                                           | 1,888,875,564        |
| - Tăng (giảm) các tài sản khác                                                                      | 40         |             | 6,121,004,548                                        | 45,160,973           |
| - Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)                                      | 41         |             | (67,522,113)                                         | (102,439,526)        |
| - Tăng (giảm) chi phí trả trước                                                                     | 42         |             | (1,093,045,657)                                      | (143,000,000)        |
| (-) Thuế TNDN đã nộp                                                                                | 43         |             | -                                                    | -                    |
| (-) Lãi vay đã trả                                                                                  | 44         |             | -                                                    | -                    |
| - Tăng (giảm) phải trả cho người bán                                                                | 45         |             | (126,968,566)                                        | 58,608,000           |
| - Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên                                                | 46         |             | 43,875,000                                           | 10,488,852           |
| - Tăng (giảm) thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp) | 47         |             | 54,906,348                                           | (400,492,405)        |
| - Tăng (giảm) phải trả cho người lao động                                                           | 48         |             | 193,529,150                                          | 9,000,000            |
| - Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác                                                               | 50         |             | (883,023,100)                                        | 112,158,847          |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh                                                            | 52         |             | (2,000,000)                                          | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>                                                | <b>60</b>  |             | <b>4,878,987,193</b>                                 | <b>214,020,530</b>   |
| <b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>                                                      |            |             | -                                                    | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>                                                    | <b>70</b>  |             | <b>-</b>                                             | <b>-</b>             |
| <b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>                                                  |            |             |                                                      |                      |
| Tiền chi trả nợ gốc vay                                                                             | 74         |             | (4,910,840,000)                                      | -                    |
| Tiền chi trả gốc nợ vay khác                                                                        | 74.3       |             | (4,910,840,000)                                      | -                    |
| <b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>                                                 | <b>80</b>  |             | <b>(4,910,840,000)</b>                               | <b>-</b>             |
| <b>IV. Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>                                                           | <b>90</b>  |             | <b>(31,852,807)</b>                                  | <b>214,020,530</b>   |
| <b>V. Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>                                                           | <b>101</b> | <b>V.1</b>  | <b>152,286,211</b>                                   | <b>5,980,818,193</b> |
| Tiền                                                                                                | 101.1      |             | 152,286,211                                          | 5,980,818,193        |
| <b>V. Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>                                                          | <b>103</b> | <b>V.1</b>  | <b>120,433,404</b>                                   | <b>6,194,838,723</b> |
| Tiền                                                                                                | 103.1      |             | 120,433,404                                          | 6,194,838,723        |

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48, Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ****PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG**

| CHỈ TIÊU                                                                             | Mã số     | Thuyết minh  | Từ 01/01/2017 đến<br>30/6/2017 | Từ 01/01/2016 đến<br>30/6/2016 |
|--------------------------------------------------------------------------------------|-----------|--------------|--------------------------------|--------------------------------|
| <b>I. Lưu chuyển tiền hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng</b>                 |           |              |                                |                                |
| 1. Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng                                  | 01        |              | 8,940,121,500                  | 206,635,250                    |
| 2. Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng                                  | 02        |              | (7,914,482,100)                | (197,532,386)                  |
| 3. Tiền thu bán chứng khoán ủy thác của khách hàng                                   | 03        |              | -                              | -                              |
| 4. Tiền chi bán chứng khoán ủy thác của khách hàng                                   | 04        |              | -                              | -                              |
| 5. Thu vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán                                                     | 05        |              | -                              | -                              |
| 6. Chi trả vay Quỹ Hỗ trợ thanh toán                                                 | 06        |              | -                              | -                              |
| 3. Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                  | 07        |              | 14,572,291,411                 | -                              |
| 7. Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng                           | 08        |              |                                |                                |
| 10. Nhận tiền gửi của Nhà đầu tư cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng         | 09        |              | -                              | -                              |
| Chi trả cho hoạt động ủy thác đầu tư của khách hàng                                  | 10        |              |                                |                                |
| 4. Chi trả phí lưu ký chứng khoán của khách hàng                                     | 11        |              | (16,766,103,751)               | -                              |
| 12. Thu lỗi giao dịch chứng khoán                                                    | 12        |              | -                              | -                              |
| 5. Chi lỗi giao dịch chứng khoán                                                     | 13        |              | -                              | -                              |
| 14. Tiền thu của Tổ chức phát hành chứng khoán                                       | 14        |              | -                              | -                              |
| 15. Tiền chi trả Tổ chức phát hành chứng khoán                                       | 15        |              | -                              | -                              |
| <b>Tăng/giảm tiền thuần trong kỳ</b>                                                 | <b>20</b> |              | <b>(1,168,172,940)</b>         | <b>9,102,864</b>               |
| <b>II. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ của khách hàng</b>                  | <b>30</b> | <b>V.14b</b> | <b>3,107,081,921</b>           | <b>985,019,887</b>             |
| Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:                                                           | 31        |              | 3,107,081,921                  | 985,019,887                    |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý       | 32        |              | 3,107,081,921                  | 985,019,887                    |
| <b>III. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ của khách hàng (40 = 20 + 30)</b> | <b>40</b> | <b>V.14b</b> | <b>1,938,908,981</b>           | <b>994,122,751</b>             |
| Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:                                                          | 41        |              | 1,938,908,981                  | 994,122,751                    |
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý       | 42        |              | 1,938,908,981                  | 994,122,751                    |

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017



**ĐỖ TRUNG SƠN**  
Tổng Giám đốc

*Trần Thị Thanh Hải*

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Kế toán trưởng

*Trần Thị Thanh Hải*

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48, Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

**Mẫu B04a-CTCK**

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU                                    | Thuyết minh | Số đầu năm            |                       | Số tăng/ giảm               |                      |                             |      | Số cuối kỳ            |                       |
|---------------------------------------------|-------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------------|----------------------|-----------------------------|------|-----------------------|-----------------------|
|                                             |             | 01/01/2016            | 01/01/2017            | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016 |                      | Từ 01/01/2017 đến 30/6/2017 |      | 30/6/2016             | 30/6/2017             |
|                                             |             |                       |                       | Tăng                        | Giảm                 | Tăng                        | Giảm |                       |                       |
| <b>I. Biến động vốn chủ sở hữu</b>          |             |                       |                       |                             |                      |                             |      |                       |                       |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu                | V.13        | 35,000,000,000        | 35,000,000,000        | -                           | -                    | -                           | -    | 35,000,000,000        | 35,000,000,000        |
| 1.1. Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết |             | 35,000,000,000        | 35,000,000,000        | -                           | -                    | -                           | -    | 35,000,000,000        | 35,000,000,000        |
| 2. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)     | V.14        | (9,144,541,845)       | (11,768,566,735)      | -                           | 1,592,549,016        | 279,101,466                 | -    | (10,737,090,861)      | (11,489,465,269)      |
| 2.1. Lợi nhuận đã thực hiện (lỗ lũy kế)     |             | (9,144,541,845)       | (11,768,566,735)      | -                           | 1,592,549,016        | 279,101,466                 | -    | (10,737,090,861)      | (11,489,465,269)      |
| 2.2. Lợi nhuận chưa thực hiện               |             | -                     | -                     | -                           | -                    | -                           | -    | -                     | -                     |
| <b>Cộng</b>                                 |             | <b>25,855,458,155</b> | <b>23,231,433,265</b> | -                           | <b>1,592,549,016</b> | <b>279,101,466</b>          | -    | <b>24,262,909,139</b> | <b>23,510,534,731</b> |
| <b>II. Thu nhập toàn diện khác</b>          |             |                       |                       |                             |                      |                             |      |                       |                       |
| <b>Cộng</b>                                 |             | -                     | -                     | -                           | -                    | -                           | -    | -                     | -                     |

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

**ĐỖ TRUNG SƠN**  
Tổng Giám đốc

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Kế toán trưởng

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Người lập biểu

Báo cáo này là một bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính giữa niên độ và phải được đọc kèm với Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán năm kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Mẫu B09a-CTCK

### I. ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu được thành lập và hoạt động theo Quyết định số 83/UBCK-GP ngày 16 tháng 01 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

*Trong quá trình hoạt động, Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp các Quyết định thay đổi như sau:*

- Quyết định số 30/UBCK-GP ngày 16 tháng 01 năm 2009, chuẩn y việc bổ sung Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ tại Số 111 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 357/UBCK-GP ngày 19 tháng 10 năm 2010, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 5 và 6 Tòa nhà 1015 Trần Hưng Đạo, Phường 5, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Số 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 932/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 11 năm 2010, chuẩn y việc chấm dứt hoạt động của Phòng Giao dịch Nguyễn Công Trứ.
- Quyết định số 15/GPĐC-UBCK ngày 5 tháng 4 năm 2013, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Số 79 Nguyễn Công Trứ, Phường Nguyễn Thái Bình, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh về địa chỉ Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.
- Quyết định số 11/GPĐC-UBCK ngày 29 tháng 3 năm 2017, chuẩn y việc thay đổi người đại diện theo pháp luật là bà Nguyễn Thị Ánh, Chủ tịch HĐQT.
- Quyết định số 29/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 7 năm 2017, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đến Tầng 15, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

• **Vốn pháp định** : 35.000.000.000 VND

• **Vốn điều lệ** : 35.000.000.000 VND

#### Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 15, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

Điện thoại : (84-04) 3377 6699

Fax : (84-04) 3377 6699

Mã số thuế : 0305453780

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

#### **2. Ngành, nghề kinh doanh**

Môi giới chứng khoán; Tư vấn đầu tư chứng khoán.

#### **3. Hạn chế đầu tư của công ty chứng khoán**

Theo Điều 44 Thông tư 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2012 do Bộ Tài chính ban hành về “Hướng dẫn về thành lập và hoạt động công ty chứng khoán” và các sửa đổi bổ sung theo Thông tư 07/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 như sau:

- 1) Công ty chứng khoán không được mua, góp vốn mua bất động sản trừ trường hợp để sử dụng làm trụ sở chính, chi nhánh, phòng giao dịch phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của công ty chứng khoán.
- 2) Công ty chứng khoán mua, đầu tư vào bất động sản theo quy định tại Khoản 1 Điều này và tài sản cố định theo nguyên tắc giá trị còn lại của tài sản cố định và bất động sản không được vượt quá năm mươi phần trăm (50%) giá trị tổng tài sản của công ty chứng khoán.
- 3) Tổng giá trị đầu tư vào các trái phiếu doanh nghiệp của công ty chứng khoán không được vượt quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu. Công ty chứng khoán được cấp phép thực hiện nghiệp vụ tự doanh chứng khoán được mua bán lại trái phiếu niêm yết theo quy định có liên quan về giao dịch mua bán lại trái phiếu.
- 4) Công ty chứng khoán không được trực tiếp hoặc ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện:
  - a) Đầu tư vào cổ phiếu hoặc phần vốn góp của công ty có sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ của công ty chứng khoán, trừ trường hợp mua cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của khách hàng;
  - b) Cùng với người có liên quan đầu tư từ năm phần trăm (5%) trở lên vốn điều lệ của công ty chứng khoán khác;
  - c) Đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức niêm yết;
  - d) Đầu tư quá mười lăm phần trăm (15%) tổng số cổ phiếu, chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một tổ chức chưa niêm yết, quy định này không áp dụng đối với chứng chỉ quỹ thành viên, quỹ hoán đổi danh mục và quỹ mở;
  - đ) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười phần trăm (10%) tổng số vốn góp của một công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc dự án kinh doanh;
  - e) Đầu tư hoặc góp vốn quá mười lăm phần trăm (15%) vốn chủ sở hữu vào một tổ chức hoặc dự án kinh doanh;
  - g) Đầu tư quá bảy mươi phần trăm (70%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu, phần vốn góp và dự án kinh doanh, trong đó không được đầu tư quá hai mươi (20%) vốn chủ sở hữu vào cổ phiếu chưa niêm yết, phần vốn góp và dự án kinh doanh.
- 5) Công ty chứng khoán được thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con. Trong trường hợp này, công ty chứng khoán không phải tuân thủ quy định tại Điểm c, d và đ Khoản 4 Điều này. Công ty chứng khoán dự kiến thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ làm công ty con phải đáp ứng các điều kiện sau:
  - a) Vốn chủ sở hữu sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải bằng vốn pháp định cho các nghiệp vụ kinh doanh công ty thực hiện;
  - b) Tỷ lệ vốn khả dụng sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ tối thiểu phải đạt một trăm tám mươi phần trăm (180%);

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

## **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

c) Công ty chứng khoán sau khi góp vốn thành lập, mua lại công ty quản lý quỹ phải đảm bảo tuân thủ hạn chế vay nợ quy định tại Điều 42 Thông tư này và hạn chế đầu tư quy định tại Khoản 3 Điều này và Điểm e Khoản 4 Điều này.

6) Trường hợp công ty chứng khoán đầu tư vượt quá hạn mức do thực hiện bảo lãnh phát hành theo hình thức cam kết chắc chắn, do hợp nhất, sáp nhập hoặc do biến động tài sản, vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán hoặc tổ chức góp vốn, công ty chứng khoán phải áp dụng các biện pháp cần thiết để tuân thủ hạn mức theo quy định tại Khoản 2, 3 và 4 Điều này tối đa trong thời hạn một (01) năm.

#### **4. Nhân viên**

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 30 tháng 06 năm 2017 là 20 người (tại ngày 30 tháng 06 năm 2016: 6 người).

## **II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 thuộc kỳ kế toán năm thứ 10 của Công ty.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ được sử dụng để lập Báo cáo là Đồng Việt Nam (VND).

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng đối với công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210”) của Bộ Tài chính, Thông tư số 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334”) do Bộ Tài chính ban hành về “Sửa đổi, bổ sung và thay thế Phụ lục 02 và Phụ lục 04 của Thông tư 210”, các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam hiện hành trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của các công ty chứng khoán.

### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

## **IV. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ:

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính giữa niên độ

Báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán.

#### 2. Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán yêu cầu Ban Tổng Giám đốc có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

#### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của Tổ chức phát hành chứng khoán được trình bày tại Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính (ngoài bảng).

#### 4. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu (6) tháng trở lên hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến thời hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, giam giữ, xét xử, đang thi hành án hoặc đã chết.

Tăng hoặc giảm dự phòng phải thu khó đòi được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ trên khoản mục “Chi phí hoạt động”.

Mức trích lập dự phòng đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 như sau:

| <u>Thời gian quá hạn</u>                   | <u>Mức trích dự phòng</u> |
|--------------------------------------------|---------------------------|
| Từ trên sáu (6) tháng đến dưới một (1) năm | 30%                       |
| Từ trên một (1) năm đến dưới hai (2) năm   | 50%                       |
| Từ trên hai (2) năm đến dưới ba (3) năm    | 70%                       |
| Từ ba (3) năm trở lên                      | 100%                      |

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

#### **5. Các hợp đồng mua lại và bán lại**

##### *Các hợp đồng mua lại*

Những tài sản được bán đồng thời cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng mua lại) không được ghi giảm trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền nhận được theo các hợp đồng mua lại này được ghi nhận là khoản nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá bán và giá cam kết mua lại trong tương lai được ghi nhận là chi phí lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng mua lại.

##### *Các hợp đồng bán lại*

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên Báo cáo tài chính giữa niên độ. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là khoản tài sản trên Báo cáo tình hình tài chính và phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại trong tương lai được ghi nhận là thu nhập lãi và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào Báo cáo kết quả hoạt động trong suốt thời gian hiệu lực của hợp đồng bán lại. Đối với các cam kết quá hạn, phần chênh lệch này không được dự thu và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động khi Công ty thực hiện.

#### **6. Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí bảo trì, sửa chữa được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

|                    | <b><u>Số năm</u></b> |
|--------------------|----------------------|
| Máy móc thiết bị   | 6 - 10               |
| Thiết bị văn phòng | 6 - 8                |

#### **7. Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình của Công ty thể hiện giá trị các phần mềm máy tính, phần mềm chứng khoán,... là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa các phần mềm vào sử dụng. Các phần mềm máy tính, phần mềm chứng khoán,... được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

#### **8. Vốn chủ sở hữu**

Vốn chủ sở hữu của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Lợi nhuận chưa phân phối bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện.

Lợi nhuận chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ hoặc tài sản tài chính khác tính vào báo cáo lãi lỗ của Báo cáo kết quả hoạt động thuộc danh mục Tài sản tài chính của Công ty chứng khoán.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## **CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### **BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí tính vào Báo cáo kết quả hoạt động của Công ty ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận đã thực hiện.

#### **9. Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu.

##### ***Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc. Trong trường hợp không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### ***Doanh thu tư vấn***

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi dịch vụ đã được cung cấp, doanh thu được xác định tương đối chắc chắn và xác định được chi phí cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

##### ***Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán***

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động trong kỳ khi thực thu.

##### ***Doanh thu tiền lãi***

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi ích mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

##### ***Doanh thu cung cấp dịch vụ khác***

Khi có thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ được ghi nhận dựa vào mức độ hoàn thành công việc.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

##### ***Thu nhập khác***

Các khoản thu nhập khác bao gồm các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu, gồm: các khoản thu về thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền phạt khách hàng do vi phạm hợp đồng; thu tiền bảo hiểm được bồi thường; thu được các khoản nợ phải thu đã xóa sổ tính vào chi phí các năm trước; khoản nợ phải trả hay mất chủ được ghi tăng thu nhập; thu các khoản thuế được giảm, được hoàn lại và các khoản thu nhập khác.

#### **10. Chi phí hoạt động**

Chi phí hoạt động bao gồm chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ.

##### ***Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ***

Chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ phản ánh các chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ trực tiếp của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí môi giới chứng khoán, chi phí hoạt động bảo lãnh, đại lý

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

phát hành chứng khoán, chi phí tư vấn, chi phí hoạt động đấu giá, ủy thác, chi phí lưu ký chứng khoán và chi phí khác.

#### **11. Chi phí quản lý Công ty chứng khoán**

Chi phí quản lý Công ty chứng khoán dùng để phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chứng khoán, bao gồm: chi phí tiền lương và các khoản trích theo lương của nhân viên bộ phận quản lý, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ dụng cụ, khấu hao tài sản cố định, dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác dùng cho hoạt động quản lý.

#### **12. Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tình hình tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

#### **13. Lãi trên cổ phiếu**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) và số bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 14. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan của Công ty nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của cá nhân được coi là liên quan.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

##### 1. Tiền

|                                       | 30/6/2017          | 31/12/2016         |
|---------------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền mặt tại quỹ                      | 39.845.825         | 299.111            |
| Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động CTCK | 80.587.579         | 151.987.100        |
| <b>Cộng</b>                           | <b>120.433.404</b> | <b>152.286.211</b> |

##### 2. Các khoản phải thu khác

|                                                                 |                       |                       |
|-----------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <i>Các khoản phải thu hỗ trợ mua chứng khoán</i>                | <i>36.249.312.896</i> | <i>36.294.612.896</i> |
| Ông Tạ Duy Toàn                                                 | 14.130.856.586        | 14.130.856.586        |
| Bà Nguyễn Thị Kim Sương                                         | 2.912.727.228         | 2.912.727.228         |
| Bà Võ Ngọc Bảo Trân                                             | 3.777.507.571         | 3.807.507.571         |
| Bà Nguyễn Thị Kê                                                | 5.440.623.270         | 5.440.623.270         |
| Ông Lê Anh Tuấn                                                 | 3.664.703.504         | 3.664.703.504         |
| Ông Võ Quang Hiếu                                               | 3.171.501.552         | 3.171.501.552         |
| Các nhà đầu tư khác                                             | 3.151.393.185         | 3.166.693.185         |
| <i>Trong đó:</i>                                                |                       |                       |
| <i>Các khoản phải thu khác khó đòi (xem Thuyết minh số V.3)</i> | <i>728.339.392</i>    | <i>728.339.392</i>    |
| <i>Các khoản phải thu khác</i>                                  | <i>5.376.833</i>      | <i>-</i>              |
| <b>Cộng</b>                                                     | <b>36.254.689.729</b> | <b>36.294.612.896</b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### 3. Dự phòng suy giảm giá trị các khoản phải thu

|                                         | Giá trị phải thu khó đòi | Tham chiếu | 30/6/2017          |                       |                       |                    | 31/12/2016         |
|-----------------------------------------|--------------------------|------------|--------------------|-----------------------|-----------------------|--------------------|--------------------|
|                                         |                          |            | 01/01/2017         | Số trích lập trong kỳ | Số hoàn nhập trong kỳ | 30/6/2017          |                    |
| <b>Dự phòng các khoản phải thu khác</b> | <b>728.339.392</b>       | <b>V.2</b> | <b>728.339.392</b> | -                     | -                     | <b>728.339.392</b> | <b>728.339.392</b> |
| Ông Trương Quang Hoàng                  | 89.259.731               |            | 89.259.731         | -                     | -                     | 89.259.731         | 89.259.731         |
| Bà Thái Thị Hơ                          | 62.658.958               |            | 62.658.958         | -                     | -                     | 62.658.958         | 62.658.958         |
| Bà Trần Nguyệt Anh                      | 205.136.474              |            | 205.136.474        | -                     | -                     | 205.136.474        | 205.136.474        |
| Ông Nguyễn Thế Nhiên                    | 162.107.105              |            | 162.107.105        | -                     | -                     | 162.107.105        | 162.107.105        |
| Bà Nguyễn Thị Ngọc Thúy                 | 45.473.391               |            | 45.473.391         | -                     | -                     | 45.473.391         | 45.473.391         |
| Bà Huỳnh Phú Hải                        | 19.583.771               |            | 19.583.771         | -                     | -                     | 19.583.771         | 19.583.771         |
| Ông Phạm Trần Tuấn Anh                  | 108.061.482              |            | 108.061.482        | -                     | -                     | 108.061.482        | 108.061.482        |
| Ông Phạm Trần Nam                       |                          |            |                    |                       |                       |                    |                    |
| Phương                                  | 35.703.198               |            | 35.703.198         | -                     | -                     | 35.703.198         | 35.703.198         |
| Bà Nguyễn Thanh Thủy                    | 355.282                  |            | 355.282            | -                     | -                     | 355.282            | 355.282            |
| <b>Cộng</b>                             | <b>728.339.392</b>       |            | <b>728.339.392</b> | -                     | -                     | <b>728.339.392</b> | <b>728.339.392</b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### 4. Tài sản cố định hữu hình

| Nguyên giá         | 01/01/2017    | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | 30/6/2017 | Gia trị hao mòn lũy kế | 01/01/2017    | Tăng trong kỳ | Khấu hao trong kỳ | Giảm trong kỳ | 30/6/2017     | Gia trị còn lại | 01/01/2017  | 30/6/2017   | Nguyên giá của TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: | 01/01/2017  | 30/6/2017   | Tài sản cố định vô hình |
|--------------------|---------------|---------------|---------------|-----------|------------------------|---------------|---------------|-------------------|---------------|---------------|-----------------|-------------|-------------|------------------------------------------------------------|-------------|-------------|-------------------------|
| Máy móc thiết bị   | 5.156.572.936 | 5.156.572.936 | -             | -         | 5.156.572.936          | 4.545.054.120 | 240.420.630   | 240.420.630       | -             | 4.785.474.750 | 611.518.816     | 611.518.816 | 371.098.186 | 611.518.816                                                | 371.098.186 | 371.098.186 |                         |
| Thiết bị văn phòng | 188.993.991   | 188.993.991   | -             | -         | 188.993.991            | 188.993.991   | -             | -                 | -             | 188.993.991   | -               | -           | -           | 188.993.991                                                | 188.993.991 | 188.993.991 |                         |
| Công               | 5.345.566.927 | 5.345.566.927 | -             | -         | 5.345.566.927          | 4.734.048.111 | 240.420.630   | 240.420.630       | -             | 4.974.468.741 | 611.518.816     | 611.518.816 | 371.098.186 | 371.098.186                                                | 537.154.323 | 537.154.323 |                         |

## 5. Tài sản cố định vô hình

| Nguyên giá            | Giá trị hao mòn lũy kế | 01/01/2017    | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | 30/6/2017              |
|-----------------------|------------------------|---------------|---------------|---------------|------------------------|
| Phân mềm máy tính     | 459.355.520            | 459.355.520   | -             | -             | 459.355.520            |
| Phần mềm chương khoản | 1.055.925.000          | 1.055.925.000 | -             | -             | 1.055.925.000          |
| Công                  | 1.515.280.520          | 1.515.280.520 | -             | -             | 1.515.280.520          |
| Nguyên giá            | 01/01/2017             | Tăng trong kỳ | Giảm trong kỳ | 30/6/2017     | Giá trị hao mòn lũy kế |
| 401.936.090           | 45.935.552             | 22.967.776    | -             | 447.871.642   | 57.419.430             |
| 693.414.373           | 105.592.500            | 52.796.252    | -             | 799.006.873   | 362.510.627            |
| 1.095.350.463         | 75.764.028             | 75.764.028    | -             | 1.171.114.491 | 419.930.057            |
| 30/6/2017             | Giá trị còn lại        | 01/01/2017    | 30/6/2017     | Giảm trong kỳ | 30/6/2017              |
| 11.483.878            | 57.419.430             | 256.918.127   | 344.166.029   |               |                        |

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 6. Chi phí trả trước dài hạn

|                               | 30/6/2017            | 31/12/2016 |
|-------------------------------|----------------------|------------|
| Phí sử dụng thiết bị, quản lý | 169.000.000          | -          |
| Chi phí công cụ, dụng cụ      | 924.045.657          | -          |
| <b>Cộng</b>                   | <b>1.093.045.657</b> | <b>-</b>   |

#### 7. Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

|                               |                    |                    |
|-------------------------------|--------------------|--------------------|
| Tiền nộp ban đầu              | 882.981.886        | 513.277.066        |
| Tiền nộp bổ sung hàng năm/ kỳ | -                  | 93.071.846         |
| Tiền lãi phân bổ hàng năm/ kỳ | (43.472.549)       | 276.632.974        |
| <b>Cộng</b>                   | <b>839.509.337</b> | <b>882.981.886</b> |

#### 8. Vay ngắn hạn

|                             |                       |                       |
|-----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Vay ngắn hạn bà Vũ Thị Hạnh | 12.689.160.000        | 17.600.000.000        |
| <b>Cộng</b>                 | <b>12.689.160.000</b> | <b>17.600.000.000</b> |

Khoản vay ngắn hạn bà Vũ Thị Hạnh theo Hợp đồng vay số 01/2012/HĐTD/VGS ngày 13 tháng 11 năm 2012 và các Phụ lục gia hạn hợp đồng vay, tổng số tiền vay là 20.140.000.000 VND, thời hạn vay gia hạn đến ngày 13 tháng 7 năm 2017. Mục đích vay để bổ sung vốn lưu động, lãi suất vay hiện nay là 0%/năm (năm 2016: 0%/năm). Số dư nợ vay tại ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 12.689.160.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2016: 17.600.000.000 VND).

#### 9. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| Chỉ tiêu                              | 01/01/2017        | Số phải nộp        | Số đã nộp         | 30/6/2017          |
|---------------------------------------|-------------------|--------------------|-------------------|--------------------|
| Thuế GTGT dịch vụ cung cấp trong nước | 80.099.756        | 44.659.215         | -                 | 124.758.971        |
| Thuế thu nhập cá nhân (*)             | (24.541.941)      | 59.072.078         | 48.824.945        | (14.294.808)       |
| Các loại thuế khác                    | -                 | 3.000.000          | 3.000.000         | -                  |
| Thuế môn bài                          | -                 | 3.000.000          | 3.000.000         | -                  |
| <b>Cộng</b>                           | <b>55.557.815</b> | <b>106.731.293</b> | <b>51.824.945</b> | <b>110.464.163</b> |

#### Trình bày số dư trên Báo cáo tình hình tài chính:

|                                         |            |             |
|-----------------------------------------|------------|-------------|
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước (*) | 24.541.941 | 14.294.808  |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước     | 80.099.756 | 124.758.971 |

#### • Thuế giá trị gia tăng

Công ty áp dụng thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất áp dụng:

- + Hoạt động chính của Công ty không thuộc diện chịu thuế GTGT
- + Hoạt động khác chịu thuế suất 10%

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- **Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp các loại thuế theo qui định hiện hành.

#### 10. Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên

|                 | 30/6/2017         | 31/12/2016       |
|-----------------|-------------------|------------------|
| Bảo hiểm xã hội | 46.086.186        | 2.211.186        |
| <b>Cộng</b>     | <b>46.086.186</b> | <b>2.211.186</b> |

#### 11. Chi phí phải trả ngắn hạn

|                   |                      |                      |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay   | 1.296.637.808        | 1.296.637.808        |
| Chi phí kiểm toán | 30.250.000           | 38.500.000           |
| Chi phí hoạt động | 25.966.546           | 85.238.659           |
| <b>Cộng</b>       | <b>1.352.854.354</b> | <b>1.420.376.467</b> |

#### 12. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

|                                |                    |                      |
|--------------------------------|--------------------|----------------------|
| Công ty Cổ phần Tập đoàn Hasco | 246.984.900        | -                    |
| Ông Trần Phú Mỹ                | -                  | 1.130.000.000        |
| Các khoản phải trả khác        | 6.107.388          | 6.115.388            |
| <b>Cộng</b>                    | <b>253.092.288</b> | <b>1.136.115.388</b> |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 13. Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, vốn điều lệ của Công ty là 35.000.000.000 VND đã được các cổ đông góp đủ đến ngày 30 tháng 6 năm 2017 như sau:

| Tên cổ<br>đồng                                                        | Địa chỉ                                                                                               | 01/01/2017    |        |                    | Phát sinh<br>tăng | Phát sinh<br>giảm | 30/6/2017     |        |                    |
|-----------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|--------------------|-------------------|-------------------|---------------|--------|--------------------|
|                                                                       |                                                                                                       | Số cổ<br>phần | Tỷ lệ  | Giá trị cổ<br>phần |                   |                   | Số cổ<br>phần | Tỷ lệ  | Giá trị cổ<br>phần |
| Công ty Đầu<br>tư - Tin học<br>và Tư vấn<br>Xây dựng<br>Phương<br>Nam | Lô số 2-4-6, Đường C,<br>KCN Tân Tạo, Phường<br>Tân Tạo, Quận Bình<br>Thạnh, Thành phố Hồ<br>Chí Minh | 700.000       | 20,00% | 7.000.000.000      | -                 | -                 | 700.000       | 20,00% | 7.000.000.000      |
| Công ty<br>TNHH Xây<br>dựng An Cư                                     | 29 TER, Lầu 3 Nguyễn<br>Đình Chiểu, Phường<br>Đakao, Quận 1, Thành<br>phố Hồ Chí Minh                 | 700.000       | 20,00% | 7.000.000.000      | -                 | (7.000.000.000)   | -             | -      | -                  |
| Ông Mai<br>Văn Công                                                   | 101 Thành Mỹ, Phường<br>8, Quận Tân Bình,<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh                                 | 525.000       | 15,00% | 5.250.000.000      | -                 | (5.250.000.000)   | -             | -      | -                  |
| Ông Châu<br>Vinh Quang                                                | 502D/6 Hưng Phú,<br>Phường 9, Quận 8,<br>Thành phố Hồ Chí<br>Minh                                     | 525.000       | 15,00% | 5.250.000.000      | -                 | (5.250.000.000)   | -             | -      | -                  |
| Ông<br>Nguyễn Bảo<br>Thành                                            | 240 Lê Thánh Tôn,<br>Phường Bến Thành,<br>Quận 1, Thành phố Hồ<br>Chí Minh                            | 525.000       | 15,00% | 5.250.000.000      | -                 | (5.250.000.000)   | -             | -      | -                  |
| Ông Hoàng<br>Biểu                                                     | 28/6 Hoàng Hoa Thám,<br>Phường 13, Quận Tân<br>Bình, Thành phố Hồ<br>Chí Minh                         | 525.000       | 15,00% | 5.250.000.000      | -                 | (5.250.000.000)   | -             | -      | -                  |
| Ông Trần                                                              | Số 17, Ngõ 139/1                                                                                      | -             | -      | -                  | 1.785.000.000     | -                 | 178.500       | 5,10%  | -                  |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tên cổ<br>đồng                                           | Địa chỉ                                                                                                                          | 01/01/2017    |       |                    | Phát sinh<br>tăng | Phát sinh<br>giảm | 30/6/2017     |       |                    |
|----------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|-------|--------------------|-------------------|-------------------|---------------|-------|--------------------|
|                                                          |                                                                                                                                  | Số cổ<br>phần | Tỷ lệ | Giá trị cổ<br>phần |                   |                   | Số cổ<br>phần | Tỷ lệ | Giá trị cổ<br>phần |
| Đức Chiến                                                | Nguyễn Văn Cừ,<br>Phường Ngọc Lâm,<br>Quận Long Biên, Thành<br>phố Hà Nội                                                        |               |       |                    |                   |                   |               |       | 1.785.000.000      |
| Ông Đỗ<br>Trung Sơn                                      | Số 10b, Tổ 4, Phường<br>Thanh Trì, Quận Hoàng<br>Mai, Thành phố Hà Nội                                                           | -             | -     |                    | 3.465.000.000     | -                 | 346.500       | 9,90% | 3.465.000.000      |
| Ông<br>Nguyễn Hải<br>Minh                                | Số 696 Lê Thanh Nghị,<br>Thành phố Hải Dương,<br>Tỉnh Hải Dương                                                                  | -             | -     | -                  | 3.395.000.000     | -                 | 339.500       | 9,70% | 3.395.000.000      |
| Công ty Cổ<br>phần Quản<br>lý Đầu tư<br>Hasco<br>Capital | Tầng 4, Căn 8, Lô 2B<br>Khu Đô thị mới Trung<br>Yên, Đường Vũ Phạm<br>Hàm, Phường Yên Hòa,<br>Quận Cầu Giấy, Thành<br>phố Hà Nội | -             | -     | -                  | 3.465.000.000     | -                 | 346.500       | 9,90% | 3.465.000.000      |
| Công ty Cổ<br>phần Thức<br>ăn Chăn<br>nuôi Hasco         | Số 15, Lô 2A Khu Đô<br>thị mới Trung Yên,<br>Đường Vũ Phạm Hàm,<br>Phường Yên Hòa, Quận<br>Cầu Giấy, Thành phố<br>Hà Nội         | -             | -     | -                  | 3.465.000.000     | -                 | 346.500       | 9,90% | 3.465.000.000      |
| Bà Nguyễn<br>Thị Thu<br>Hòa                              | Số 19 Ngách 352/15<br>Giải phóng Phương<br>Liệt, Quận Thanh Xuân,<br>Thành phố Hà Nội                                            | -             | -     | -                  | 2.030.000.000     | -                 | 203.000       | 5,80% | 2.030.000.000      |
| Ông Trần<br>Đức Minh                                     | Tổ 2 Bồ Đề, Phường<br>Nhân Chính, Quận<br>Thanh Xuân, Thành<br>phố Hà Nội                                                        | -             | -     | -                  | 3.465.000.000     | -                 | 346.500       | 9,90% | 3.465.000.000      |
| Bà Nguyễn<br>Thị Ánh                                     | Số nhà 37, Ngõ 283 Đội<br>Cán, Phường Liễu Giai,<br>Quận Ba Đình, Thành<br>phố Hà Nội                                            | -             | -     | -                  | 3.465.000.000     | -                 | 346.500       | 9,90% | 3.465.000.000      |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| Tên cổ<br>đồng             | Địa chỉ                                                                                      | 01/01/2017       |                |                       | Phát sinh<br>tăng     | Phát sinh<br>giảm       | 30/6/2017        |                |                       |
|----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------------|-----------------------|-----------------------|-------------------------|------------------|----------------|-----------------------|
|                            |                                                                                              | Số cổ<br>phần    | Tỷ lệ          | Giá trị cổ<br>phần    |                       |                         | Số cổ<br>phần    | Tỷ lệ          | Giá trị cổ<br>phần    |
| Ông<br>Nguyễn<br>Đức Thuận | Số 7, Ngách 629/25<br>Ngọc Khánh, Phường<br>Ngọc Khánh, Quận Ba<br>Đình, Thành phố Hà<br>Nội | -                | -              | -                     | 3.465.000.000         | -                       | 346.500          | 9,90%          | 3.465.000.000         |
| <b>Cộng</b>                |                                                                                              | <b>3.500.000</b> | <b>100,00%</b> | <b>35.000.000.000</b> | <b>28.000.000.000</b> | <b>(28.000.000.000)</b> | <b>3.500.000</b> | <b>100,00%</b> | <b>35.000.000.000</b> |

Vào ngày 9 tháng 02 năm 2017, các cổ đông Công ty TNHH Xây dựng An Cư, ông Mai Văn Công, ông Châu Vinh Quang, ông Nguyễn Bảo Thành và ông Hoàng Biều đã thoái vốn toàn bộ tại Công ty. Tổng số cổ phần mà các cổ đông thoái là 2.800.000 cổ phần, chiếm 80% vốn điều lệ của Công ty.

### Cổ phiếu

|                                        | 30/6/2017 | 31/12/2016 |
|----------------------------------------|-----------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành    | 3.500.000 | 3.500.000  |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 3.500.000 | 3.500.000  |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 3.500.000 | 3.500.000  |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -         | -          |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại         | -         | -          |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | -         | -          |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -         | -          |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành        | 3.500.000 | 3.500.000  |
| - <i>Cổ phiếu phổ thông</i>            | 3.500.000 | 3.500.000  |
| - <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>               | -         | -          |
| Mệnh giá cổ phiếu (VND)                | 10.000    | 10.000     |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### 14. Lợi nhuận chưa phân phối (lỗ lũy kế)

|                                        | 30/6/2017               | 31/12/2016              |
|----------------------------------------|-------------------------|-------------------------|
| Lỗ lũy kế đầu năm                      | (11.768.566.735)        | (9.144.541.845)         |
| Lỗ đã thực hiện trong năm/ kỳ          | 279.101.466             | (2.624.024.890)         |
| Lãi (lãi) chưa thực hiện trong năm/ kỳ | -                       | -                       |
| <b>Lỗ lũy kế cuối năm/ kỳ</b>          | <b>(11.489.465.269)</b> | <b>(11.768.566.735)</b> |

#### 15. Các chỉ tiêu ngoài Báo cáo tình hình tài chính

##### a) Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSD của Nhà đầu tư

|                                                 |                        |                        |
|-------------------------------------------------|------------------------|------------------------|
| Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng | 41.077.319.470         | 161.029.660.000        |
| Tài sản tài chính giao dịch cầm cố              | 648.834.758.400        | 645.581.760.000        |
| Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ            | 5.850.000.000          | 15.000.000.000         |
| Tài sản tài chính chờ thanh toán                | 52.751.000             | 52.710.000             |
| <b>Cộng</b>                                     | <b>695.814.828.870</b> | <b>821.664.130.000</b> |

##### b) Tiền gửi của Nhà đầu tư

|                                                                                |                      |                      |
|--------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Tiền gửi của Nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 1.938.908.981        | 3.107.081.921        |
| <b>Cộng</b>                                                                    | <b>1.938.908.981</b> | <b>3.107.081.921</b> |

##### c) Phải trả Nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý

|                                                                                                |                      |                      |
|------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|----------------------|
| Phải trả Nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 1.767.921.309        | 2.936.084.184        |
| Phải trả Nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức CTCK quản lý | 170.987.672          | 170.997.737          |
| <b>Cộng</b>                                                                                    | <b>1.938.908.981</b> | <b>3.107.081.921</b> |

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Đơn vị tính: VND

### 1. Doanh thu hoạt động

|                                          | Từ 01/01/2017<br>đến 30/6/2017 | Từ 01/01/2016<br>đến 30/6/2016 |
|------------------------------------------|--------------------------------|--------------------------------|
| Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán | 1.572.586.238                  | 88.045.147                     |
| Doanh thu tư vấn                         | 732.000.000                    | -                              |
| Thu nhập hoạt động khác                  | 540.585.726                    | 4.339.408                      |
| <b>Cộng</b>                              | <b>2.845.171.964</b>           | <b>92.384.555</b>              |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 2. Chi phí hoạt động

|                                        | <b>Từ 01/01/2017<br/>đến 30/6/2017</b> | <b>Từ 01/01/2016<br/>đến 30/6/2016</b> |
|----------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán | 315.226.803                            | 273.264.708                            |
| Chi phí các dịch vụ khác               | 180.842.898                            | 195.000.000                            |
| <b>Cộng</b>                            | <b>496.069.701</b>                     | <b>468.264.708</b>                     |

#### 3. Doanh thu hoạt động tài chính

|                           |                  |                  |
|---------------------------|------------------|------------------|
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 4.580.483        | 7.963.760        |
| <b>Cộng</b>               | <b>4.580.483</b> | <b>7.963.760</b> |

#### 4. Chi phí quản lý công ty chứng khoán

|                           |                      |                    |
|---------------------------|----------------------|--------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 855.592.612          | 257.277.469        |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 149.238.737          | -                  |
| Chi phí khấu hao TSCĐ     | 316.184.658          | 328.209.241        |
| Thuế, phí và lệ phí       | 3.000.000            | 3.000.000          |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 439.599.052          | 365.250.371        |
| <b>Cộng</b>               | <b>1.763.615.059</b> | <b>953.737.081</b> |

#### 5. Lợi nhuận (lỗ) khác

|                                  |                      |                      |
|----------------------------------|----------------------|----------------------|
| <b>Thu nhập khác</b>             | <b>3.074.564</b>     | -                    |
| Thu tiền khuyến mãi              | 3.058.000            | -                    |
| Thu nhập khác                    | 16.564               | -                    |
| <b>Chi phí khác</b>              | <b>314.040.785</b>   | <b>270.895.542</b>   |
| Bổ sung thuế thu nhập cá nhân    | 7.728.000            | -                    |
| Phạt chậm nộp tiền thuế          | 223.992.272          | 270.895.542          |
| Các chi phí khác                 | 82.320.513           | -                    |
| <b>Lợi nhuận (lỗ) khác thuần</b> | <b>(310.966.221)</b> | <b>(270.895.542)</b> |

#### 6. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

|                                               |                      |                        |
|-----------------------------------------------|----------------------|------------------------|
| <b>Tổng lợi nhuận (lỗ) kế toán trước thuế</b> | <b>279.101.466</b>   | <b>(1.592.549.016)</b> |
| <b>Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế:</b>     | <b>314.040.785</b>   | <b>270.895.542</b>     |
| Trừ: Thu nhập không chịu thuế                 | -                    | -                      |
| Cộng: Các khoản chi phí không tính thuế       | 314.040.785          | 270.895.542            |
| <b>Trừ: Chuyển lỗ</b>                         | <b>(593.142.251)</b> | -                      |
| <b>Thu nhập tính thuế</b>                     | -                    | -                      |
| Thuế suất áp dụng                             | 20%                  | 20%                    |
| <b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>    | -                    | -                      |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 20% trên thu nhập chịu thuế. Tuy nhiên, Công ty không trích lập thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 do Công ty chuyển lỗ.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và công nợ phải trả trên Báo cáo tình hình tài chính.

#### 7. Lãi (lỗ) trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi (lỗ) trên cổ phiếu cơ bản và lãi (lỗ) trên cổ phiếu suy giảm phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

##### a) Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu

|                                                                                    | <b>Từ 01/01/2017<br/>đến 30/6/2017</b> | <b>Từ 01/01/2016<br/>đến 30/6/2016</b> |
|------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>                | <b>279.101.466</b>                     | <b>(1.592.549.016)</b>                 |
| Trừ: Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi                                            | -                                      | -                                      |
| <b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>                | <b>279.101.466</b>                     | <b>(1.592.549.016)</b>                 |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu | 3.500.000                              | 3.500.000                              |
| <b>Lãi (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu</b>                                               | <b>80</b>                              | <b>(455)</b>                           |

##### b) Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

|                                                                                                                                                        |                    |                        |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|------------------------|
| <b>Lợi nhuận (lỗ) phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông</b>                                                                                    | <b>279.101.466</b> | <b>(1.592.549.016)</b> |
| Các khoản điều chỉnh lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp để tính lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông khi xác định lãi suy giảm trên cổ phiếu | -                  | -                      |
| <b>Lợi nhuận (lỗ) thuộc cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>                                       | <b>279.101.466</b> | <b>(1.592.549.016)</b> |
| Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong kỳ để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu                                                                     | 3.500.000          | 3.500.000              |
| Số lượng cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm                                                                                                | -                  | -                      |
| <b>Số lượng cổ phiếu bình quân lưu hành đã được điều chỉnh do ảnh hưởng pha loãng</b>                                                                  | <b>3.500.000</b>   | <b>3.500.000</b>       |
| <b>Lãi (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu</b>                                                                                                                 | <b>80</b>          | <b>(455)</b>           |

## VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

#### 1. Các bên liên quan

##### *Giao dịch với bên liên quan*

Bên liên quan khác với Công ty bao gồm:

##### Bên liên quan

Ông Trần Phú Mỹ

Ông Đỗ Trung Sơn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Hasco

##### Mối quan hệ

Chủ tịch HĐQT tiền nhiệm

Tổng Giám đốc

Công ty liên quan

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan như sau:

|                                | <u>Từ 01/01/2017<br/>đến 30/6/2017</u> | <u>Từ 01/01/2016<br/>đến 30/6/2016</u> |
|--------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| <b>Mượn tiền</b>               |                                        |                                        |
| Ông Trần Phú Mỹ                | 100.000.000                            | -                                      |
| Ông Đỗ Trung Sơn               | 2.500.000.000                          | -                                      |
| Công ty Cổ phần tập đoàn Hasco | 246.984.900                            | -                                      |

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan như sau:

|                                | <u>30/6/2017</u> | <u>31/12/2016</u> |
|--------------------------------|------------------|-------------------|
| <b>Phải trả tiền mượn</b>      |                  |                   |
| Ông Trần Phú Mỹ                | -                | 1.130.000.000     |
| Công ty Cổ phần tập đoàn Hasco | 246.984.900      | -                 |

##### *Thu nhập của Tổng Giám đốc*

Thu nhập của Tổng Giám đốc Công ty trong kỳ như sau:

|            | <u>Từ 01/01/2017<br/>đến 30/6/2017</u> | <u>Từ 01/01/2016<br/>đến 30/6/2016</u> |
|------------|----------------------------------------|----------------------------------------|
| Tiền lương | 172.200.000                            | 90.000.000                             |

#### 2. Công cụ tài chính

##### Quản lý rủi ro vốn

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm nợ thuần (các khoản vay được trình bày tại Thuyết minh số V.8 trừ đi tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của Công ty (bao gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (lỗ lũy kế)).

*Hệ số đòn bẩy tài chính*

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### **Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

|                                           | 30/6/2017      | 31/12/2016     |
|-------------------------------------------|----------------|----------------|
| Các khoản vay                             | 12.689.160.000 | 17.600.000.000 |
| Trừ: Tiền                                 | (120.433.404)  | (152.286.211)  |
| Nợ thuần                                  | 12.568.726.596 | 17.447.713.789 |
| Vốn chủ sở hữu                            | 23.510.534.731 | 23.231.433.265 |
| <b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b> | <b>53%</b>     | <b>75%</b>     |

#### **Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính.

#### **Các loại công cụ tài chính**

Tài sản tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm tiền, các khoản phải thu và cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn. Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

|                                           | 30/6/2017             | 31/12/2016            |
|-------------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| <b>Tài sản tài chính</b>                  |                       |                       |
| Tiền                                      | 120.433.404           | 152.286.211           |
| Các khoản phải thu khác                   | 35.526.350.337        | 35.566.273.504        |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 2.000.000             | -                     |
| <b>Cộng</b>                               | <b>35.648.783.741</b> | <b>35.718.559.715</b> |

#### **Nợ phải trả tài chính**

|                                   |                       |                       |
|-----------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Các khoản vay                     | 12.689.160.000        | 17.600.000.000        |
| Phải trả người bán                | 129.537.815           | 256.506.381           |
| Chi phí phải trả                  | 1.352.854.354         | 1.420.376.467         |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 253.092.288           | 1.136.115.388         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>14.424.644.457</b> | <b>20.412.998.236</b> |

#### **Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro ngoại tệ (rủi ro tỷ giá), rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

#### **Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá.

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

# CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là môi giới chứng khoán, và hiện tại Công ty có khoản vay ngắn hạn của bà Vũ Thị Hạnh với lãi suất 0%/ năm, cho nên Công ty không có rủi ro trọng yếu nào liên quan đến biến động của thị trường.

#### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng chủ yếu từ hoạt động tài chính (bao gồm các khoản phải thu khác, tiền gửi ngân hàng).

#### Các khoản phải thu khác

Các khoản phải thu khác chủ yếu là các khoản Công ty hỗ trợ cho các cá nhân vay/ mượn tiền mua chứng khoán. Công ty thường xuyên đánh giá khả năng thu hồi của các khoản phải thu này, đồng thời tiến hành trích lập dự phòng những khoản phải thu đòi tại ngày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

#### Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng từ số dư tiền gửi ngân hàng được quản lý bởi Bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty.

#### Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công cụ nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

|                                           | Trong vòng 1 năm      | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                  |
|-------------------------------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| <b>30/6/2017</b>                          |                       |                      |            |                       |
| <b>Tài sản tài chính</b>                  |                       |                      |            |                       |
| Tiền                                      | 120.433.404           | -                    | -          | 120.433.404           |
| Các khoản phải thu khác                   | 35.526.350.337        | -                    | -          | 35.526.350.337        |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | 2.000.000             | -                    | -          | 2.000.000             |
| <b>Cộng</b>                               | <b>35.648.783.741</b> | <b>-</b>             | <b>-</b>   | <b>35.648.783.741</b> |

#### Nợ phải trả tài chính

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                                     | Trong vòng 1 năm      | Trên 1 năm đến 5 năm | Trên 5 năm | Cộng                  |
|-------------------------------------|-----------------------|----------------------|------------|-----------------------|
| Các khoản vay                       | 12.689.160.000        | -                    | -          | 12.689.160.000        |
| Phải trả người bán                  | 129.537.815           | -                    | -          | 129.537.815           |
| Chi phí phải trả                    | 1.352.854.354         | -                    | -          | 1.352.854.354         |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác   | 253.092.288           | -                    | -          | 253.092.288           |
| <b>Cộng</b>                         | <b>14.424.644.457</b> | <b>-</b>             | <b>-</b>   | <b>14.424.644.457</b> |
| <b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b> | <b>21.224.139.284</b> | <b>-</b>             | <b>-</b>   | <b>21.224.139.284</b> |

31/12/2016

#### Tài sản tài chính

|                                           |                       |          |          |                       |
|-------------------------------------------|-----------------------|----------|----------|-----------------------|
| Tiền                                      | 152.286.211           | -        | -        | 152.286.211           |
| Các khoản phải thu khác                   | 35.566.273.504        | -        | -        | 35.566.273.504        |
| Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn | -                     | -        | -        | -                     |
| <b>Cộng</b>                               | <b>35.718.559.715</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>35.718.559.715</b> |

#### Nợ phải trả tài chính

|                                   |                       |          |          |                       |
|-----------------------------------|-----------------------|----------|----------|-----------------------|
| Các khoản vay                     | 17.600.000.000        | -        | -        | 17.600.000.000        |
| Phải trả người bán                | 256.506.381           | -        | -        | 256.506.381           |
| Chi phí phải trả                  | 1.420.376.467         | -        | -        | 1.420.376.467         |
| Các khoản phải trả, phải nộp khác | 1.136.115.388         | -        | -        | 1.136.115.388         |
| <b>Cộng</b>                       | <b>20.412.998.236</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>20.412.998.236</b> |

#### Chênh lệch thanh khoản thuần

|  |                       |          |          |                       |
|--|-----------------------|----------|----------|-----------------------|
|  | <b>15.305.561.479</b> | <b>-</b> | <b>-</b> | <b>15.305.561.479</b> |
|--|-----------------------|----------|----------|-----------------------|

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh toán ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính đáo hạn.

### 3. Số liệu so sánh

Một số chỉ tiêu trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016 đã được phân loại lại cho phù hợp với cách trình bày của Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017, cụ thể như sau:

#### BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

|                                                | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016<br>(Đã được trình bày trước đây) | Trình bày lại | Từ 01/01/2016 đến 30/6/2016<br>(Được trình bày lại) |
|------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|---------------|-----------------------------------------------------|
| <b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b> |                                                              |               |                                                     |
| Chi phí phải trả, chi phí trả trước            | (245.439.526)                                                | 245.439.526   | -                                                   |

Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ

## CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU

Tầng 15 Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Hà Nội

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

#### Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

|                                                              | <b>Từ 01/01/2016<br/>đến 30/6/2016<br/>(Đã được trình<br/>bày trước đây)</b> | <b>Trình bày lại</b> | <b>Từ 01/01/2016<br/>đến 30/6/2016<br/>(Được trình<br/>bày lại)</b> |
|--------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------------------------------|
| (Tăng) giảm các khoản phải thu khác                          | 1.947.483.564                                                                | (58.608.000)         | 1.888.875.564                                                       |
| Tăng (giảm) các tài sản khác                                 | -                                                                            | 45.160.973           | 45.160.973                                                          |
| Tăng (giảm) chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay) | -                                                                            | (102.439.526)        | (102.439.526)                                                       |
| Tăng (giảm) chi phí trả trước                                | -                                                                            | (143.000.000)        | (143.000.000)                                                       |
| Tăng (giảm) phải trả cho người bán                           | -                                                                            | 58.608.000           | 58.608.000                                                          |
| Tăng (giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên           | -                                                                            | 10.488.852           | 10.488.852                                                          |
| Tăng (giảm) phải trả cho người lao động                      | -                                                                            | 9.000.000            | 9.000.000                                                           |
| Tăng (giảm) phải trả, phải nộp khác                          | 131.647.699                                                                  | (19.488.852)         | 112.158.847                                                         |
| Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh                        | 45.160.973                                                                   | (45.160.973)         | -                                                                   |

#### 4. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Quyết định số 29/GPĐC-UBCK ngày 19 tháng 7 năm 2017, chuẩn y việc chuyển đổi trụ sở chính từ Tầng 4A & 9, Tòa nhà số 85 Nguyễn Hữu Cầu, Phường Tân Định, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh đến Tầng 15, Tòa nhà Diamond Flower, Số 48 Đường Lê Văn Lương, Khu Đô thị mới N2, Phường Nhân Chính, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội.

Ngoài sự kiện trên, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu cần phải được điều chỉnh hay trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

Thành phố Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017



**ĐỖ TRUNG SƠN**  
Tổng Giám đốc

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Kế toán trưởng

**TRẦN THỊ THANH HẢI**  
Người lập biểu

*Bản Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và phải được đọc cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ*

**CÔNG TY CP CHỨNG KHOÁN TOÀN CẦU**

----- \*\*\* -----  
Số: 4.08.2017.../CV-VGS

V/v: Giải trình Kết quả sản xuất kinh doanh theo  
Báo cáo tài chính bán niên năm 2017

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

----- \*\*\* -----

Ngày 14 tháng 08 năm 2017

**Kính gửi: - ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**  
**- SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HỒ CHÍ MINH**

- Căn cứ thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06/10/2015 của Bộ tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường Chứng khoán

Công ty CP Chứng Khoán Toàn Cầu

Địa chỉ: Tầng 15, tòa Nhà Diamond Flower, số 48 đường Lê Văn Lương, Khu đô thị mới N2, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, Hà Nội

Mã số thuế: 0305453780

Nội dung giải trình: Lợi nhuận sau thuế 06 tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ năm trước chênh lệch 10% trở lên và lợi nhuận trong kỳ có lãi.

Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu giải trình sự biến động lợi nhuận sau thuế tại Báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm 2017 của Công ty, chi tiết cụ thể như sau:

Kết quả sản xuất kinh doanh 06 tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ:

- Lợi nhuận sau thuế TNDN 06 tháng đầu năm 2017 (Kỳ này): 279.101.466 đồng
  - Lợi nhuận sau thuế TNDN 06 tháng đầu năm 2016 (cùng kỳ): (1.592.549.016) đồng
- Thay đổi : 118%

**Nguyên nhân biến động**

Trong 06 tháng đầu năm 2017 Công ty đẩy mạnh trong hoạt động môi giới và tư vấn tài chính dẫn đến Doanh thu công ty tăng nên có sự thay đổi về lợi nhuận của 06 tháng đầu năm 2017 so với cùng kỳ năm 2016

Trên đây là giải trình của Công ty Cổ phần Chứng khoán Toàn Cầu, xin báo cáo để Ủy ban Chứng khoán nhà nước, các Sở giao dịch Chứng khoán được biết

Trân trọng!

Nơi nhận:

- Như trên:
- Lưu VP.

